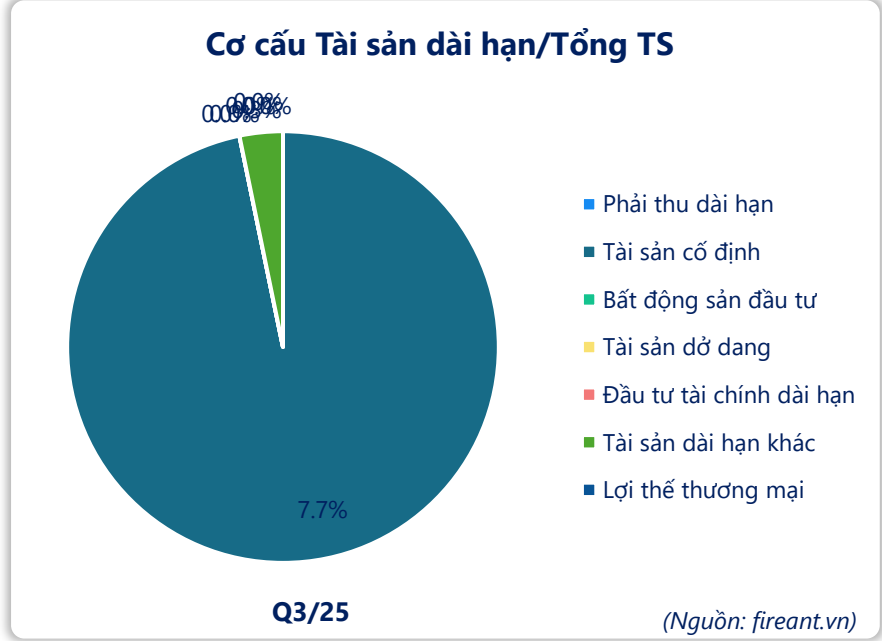
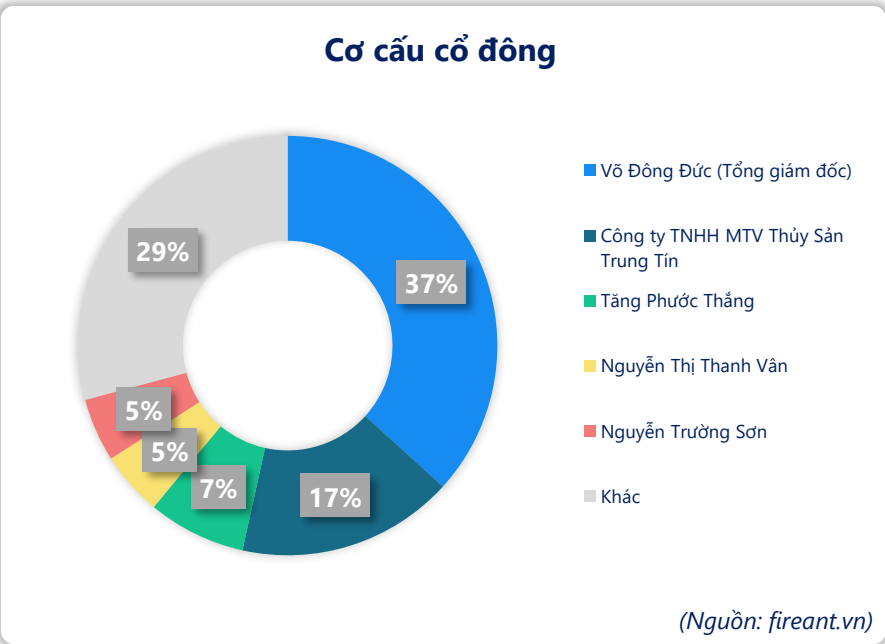
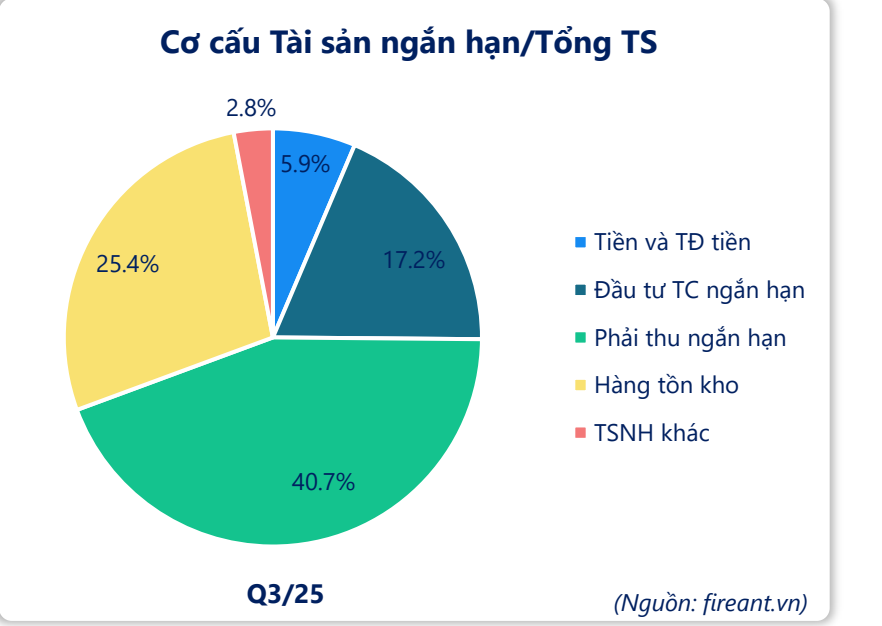
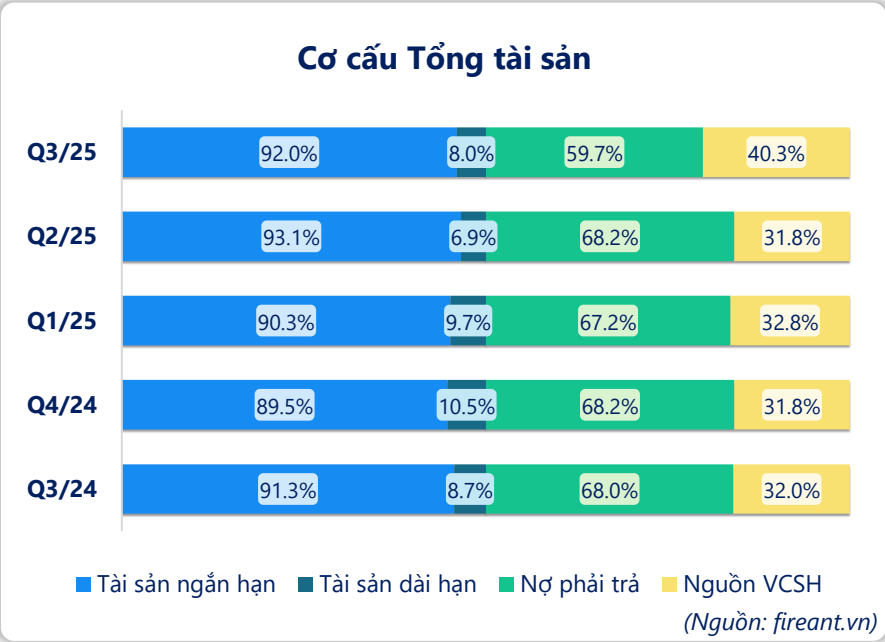
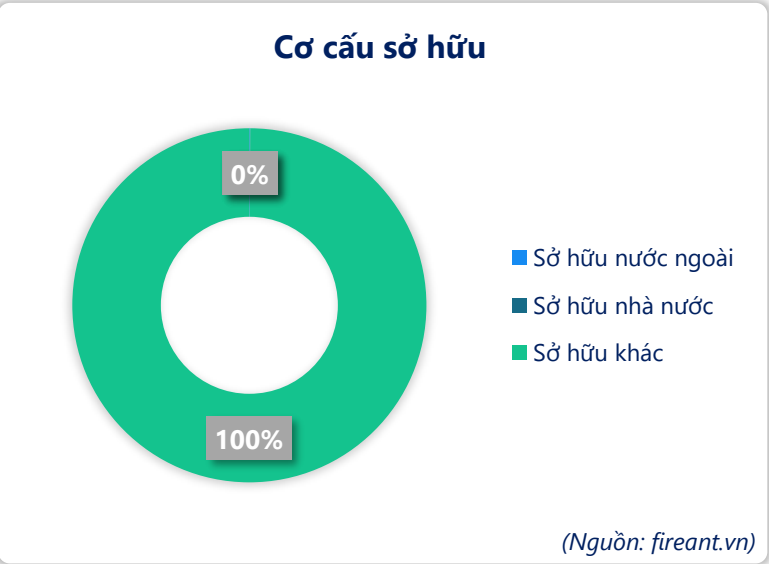
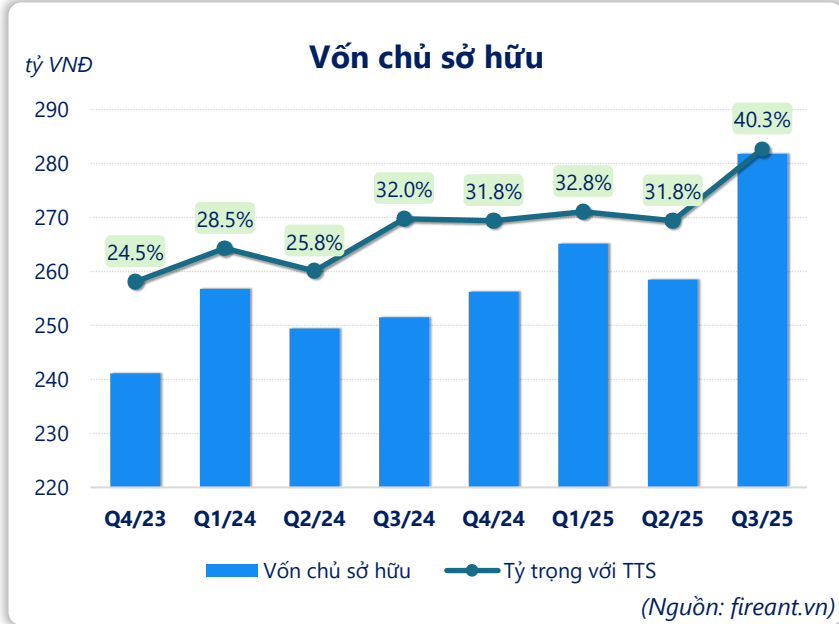
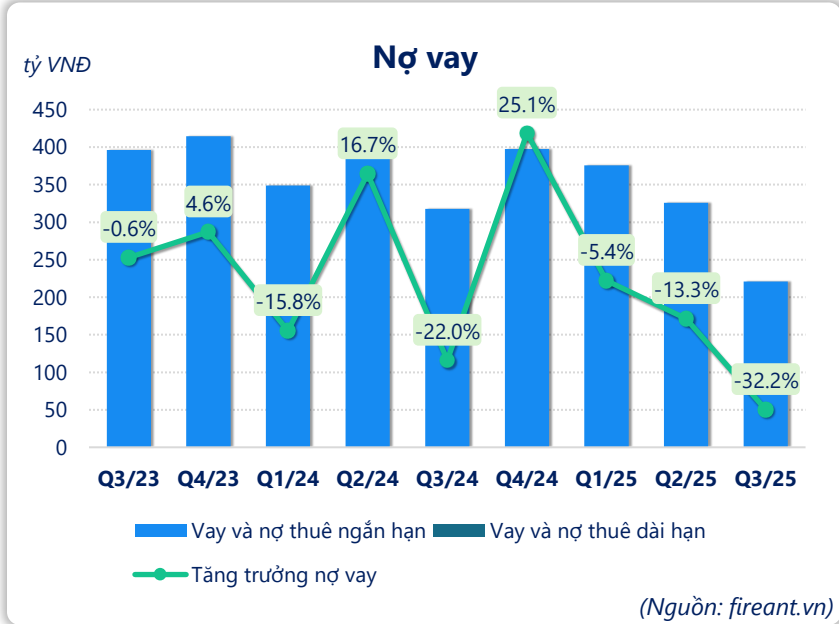
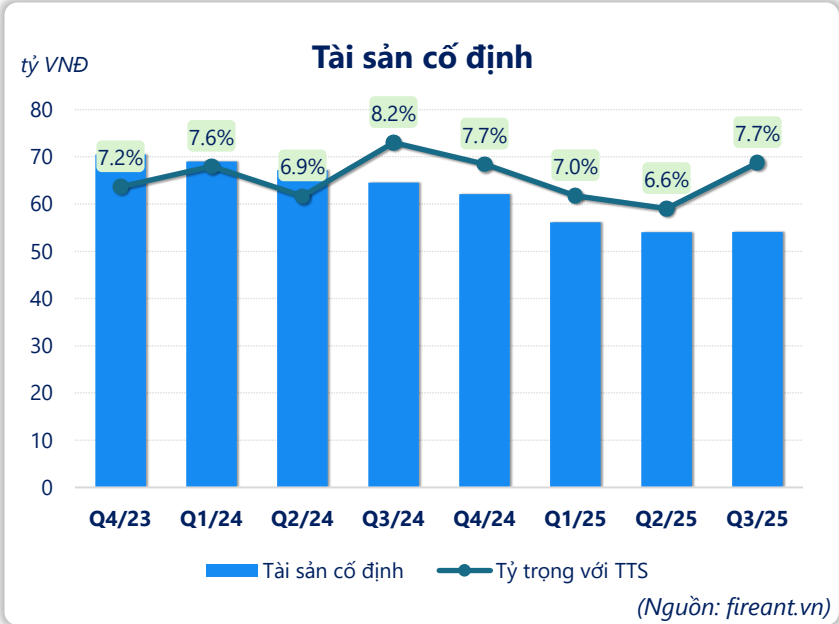
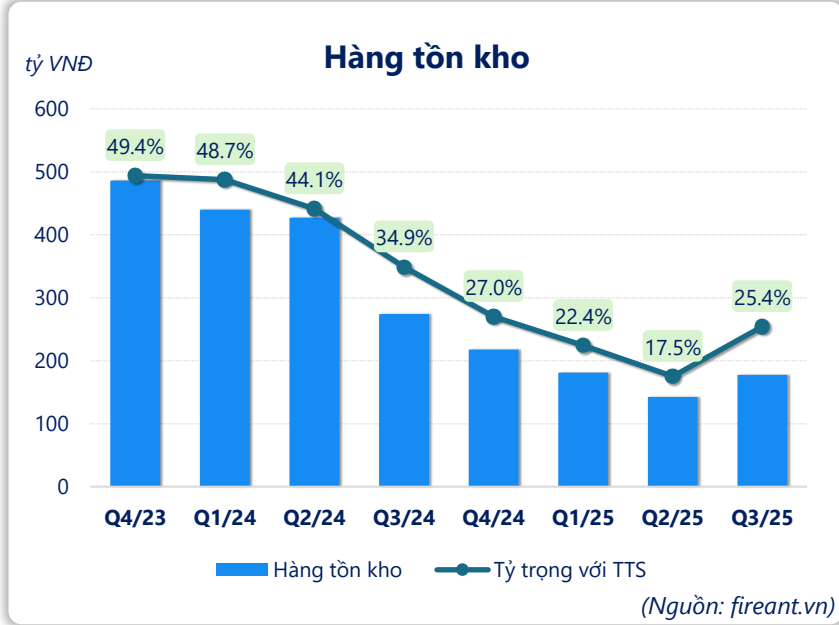
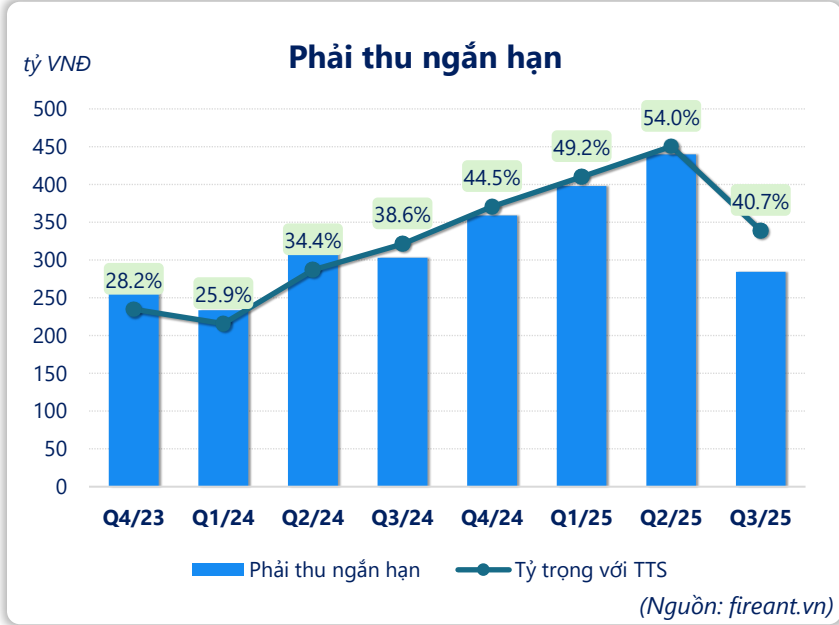
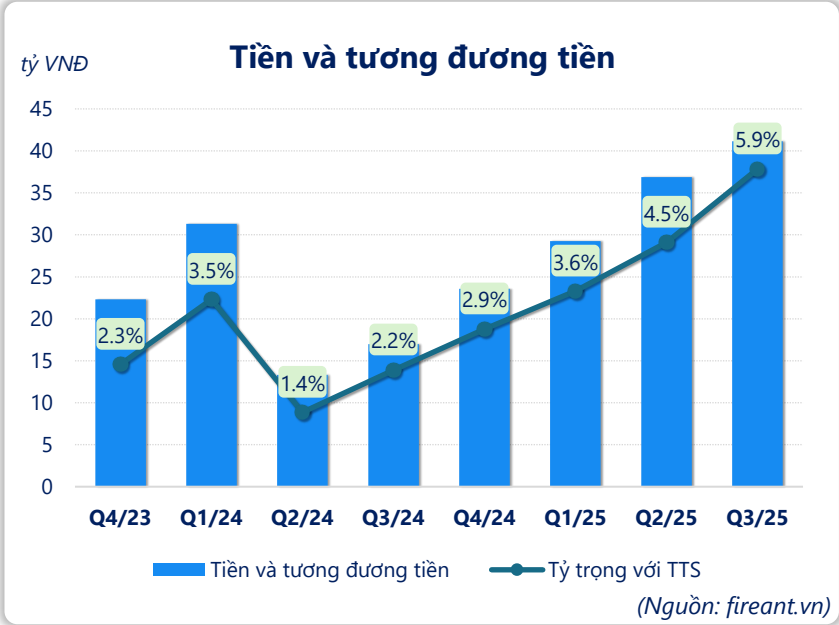
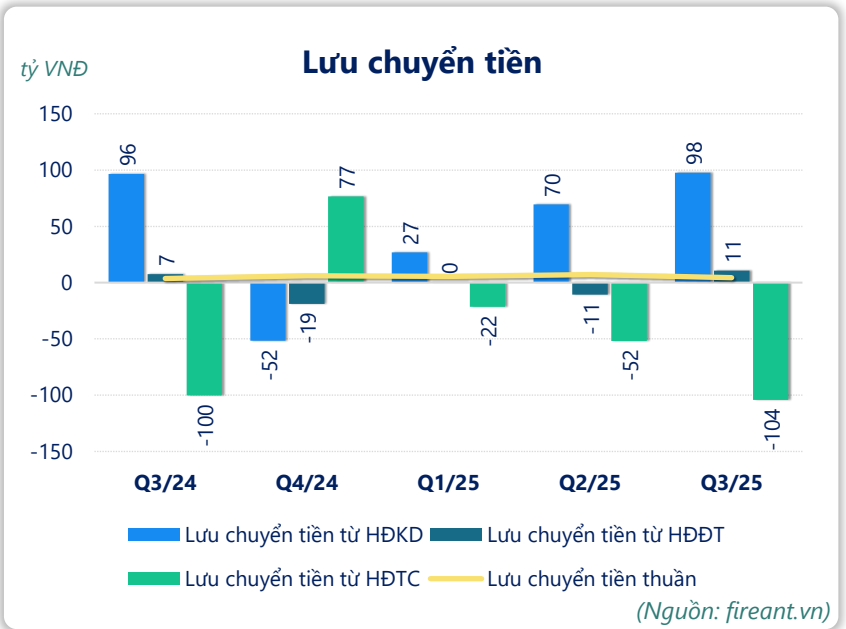
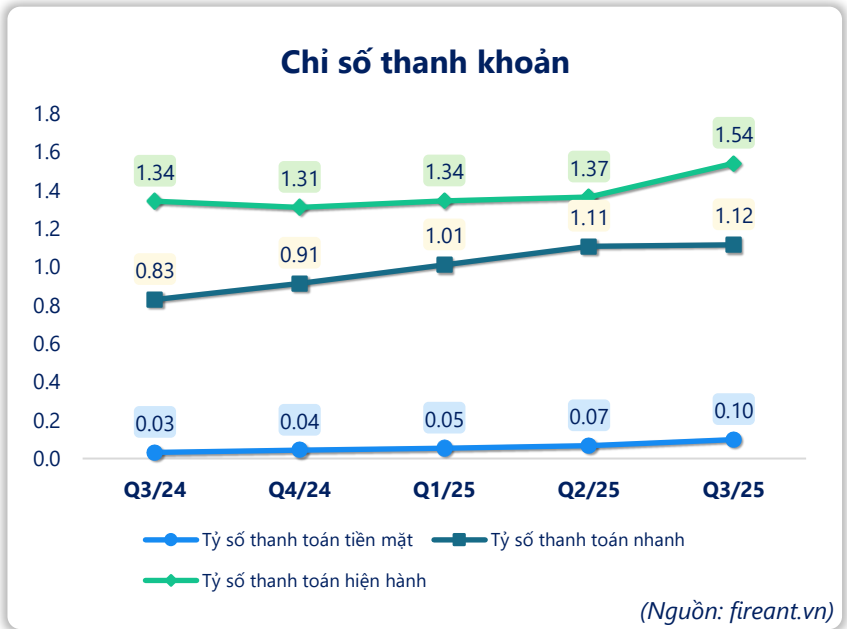
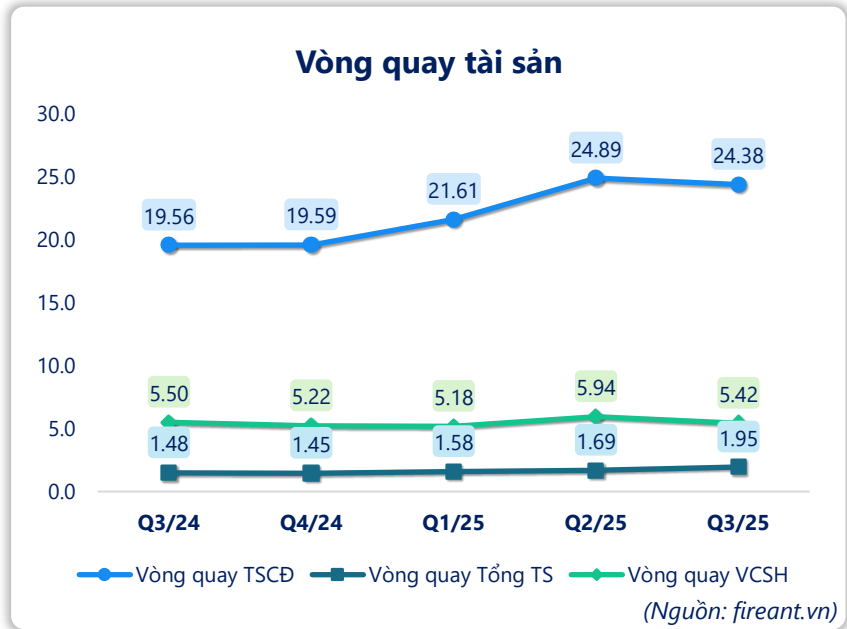
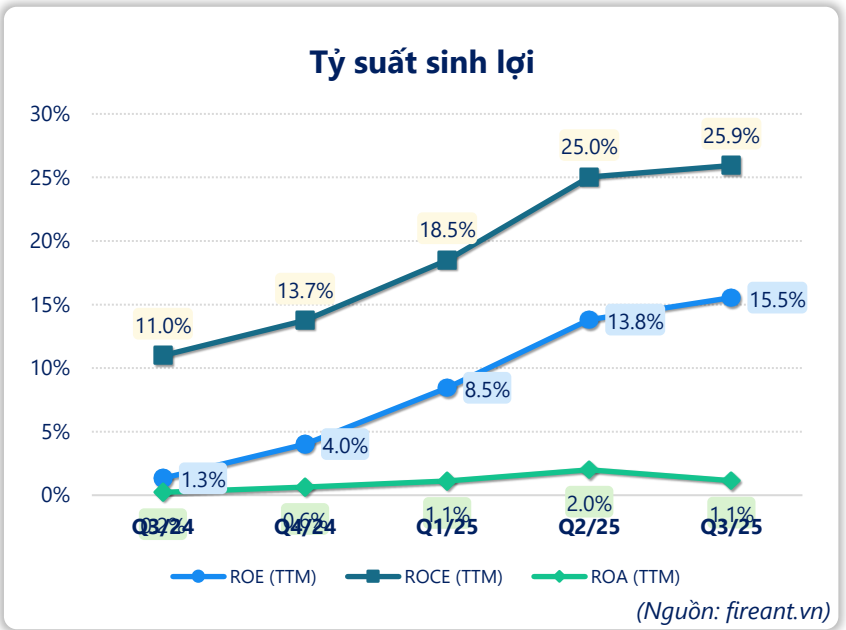
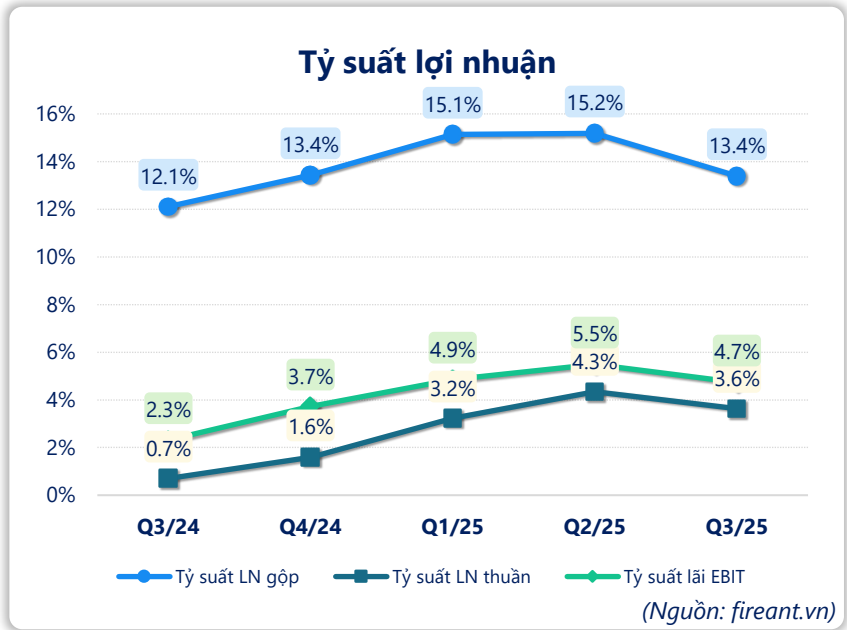
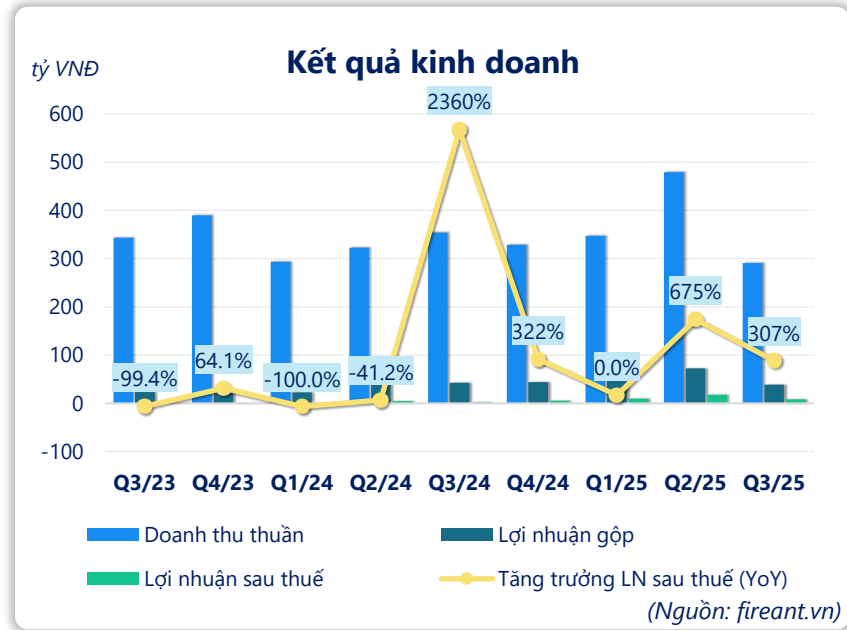


Thông tin giao dịch		30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		17,500
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		18,514
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		9,497
SL cổ phiếu LH		18,110,619
KLGD BQ 20 phiên (CP)		6,020
% sở hữu nước ngoài		0.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		317
P/E		7.6
EPS		2,289

	YTD	1T	3T	6T
CCA	24.7%	17.4%	35.0%	44.2%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	699	806	-13.2%
Tài sản ngắn hạn	643	722	-10.9%
Tiền và tương đương tiền	41.2	23.6	74.3%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	121	98.5	22.3%
Phải thu ngắn hạn	284	360	-21.0%
Hàng tồn kho	178	218	-18.5%
Tài sản ngắn hạn khác	19.4	21.6	-10.4%
Tài sản dài hạn	55.9	84.0	-33.4%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	54.1	61.7	-12.4%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	20.0	-100%
Tài sản dài hạn khác	1.81	2.24	-19.3%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	417	550	-24.2%
Nợ ngắn hạn	417	550	-24.2%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	221	397	-44.4%
Phải trả người bán ngắn hạn	45.2	46.4	-2.6%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	282	256	10.2%
Vốn chủ sở hữu	282	256	10.2%
Vốn điều lệ	181	151	20.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	354	329	347	479	291
Giá vốn hàng bán	311	285	295	407	252
Lợi nhuận gộp	42.9	44.1	52.6	72.8	38.9
Doanh thu HĐTC	5.51	0.38	1.98	10.1	1.46
Chi phí TC	5.84	5.24	6.02	5.36	4.03
Chi phí lãi vay	5.73	5.24	5.68	5.36	3.82
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	38.7	32.7	35.6	54.6	23.5
Chi phí QLDN	1.36	1.32	1.72	2.12	2.28
LN thuần từ HĐKD	2.49	5.24	11.2	20.8	10.5
Lợi nhuận khác	-0.03	1.77	-0.02	0.14	-0.60
LN trước thuế	2.45	7.00	11.2	20.9	9.94
Lợi nhuận sau thuế	2.09	5.72	9.50	17.8	8.45
LNST của CĐ cty mẹ	2.09	5.72	9.50	17.8	8.45

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	96.5	-51.6	26.8	69.5	97.7
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	7.47	-18.9	0.39	-10.6	10.6
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-100	76.6	-21.5	-51.8	-104
Tiền đầu kỳ	13.3	17.0	23.6	29.3	36.9
Lưu chuyển tiền thuần	3.65	6.08	5.66	7.14	4.29
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0.50	0	0.45	0
Tiền cuối kỳ	17.0	23.6	29.3	36.9	41.2

(Nguồn: fireant.vn)